1. **ĐỊNH NGHĨA**

* Viêm phổi là một bệnh nhiễm trùng thường gặp ở giai đoạn sơ sinh, là một trong các nguyên nhân hàng đầu gây tử vong sơ sinh.
* Viêm phổi được phân làm 2 loại:

1. **Viêm phổi sớm**

* Xuất hiện trước 3 ngày tuổi. Viêm phổi bẩm sinh là một phần của viêm phổi sớm, mắc phải trong tử cung và thường xuất hiện ngay sau sinh. Viêm phổi bẩm sinh mắc phải do hít nước ối nhiễm khuẩn, sự nhiễm khuẩn tăng do các màng ối bị tổn thương hoặc theo đường máu qua nhau thai. Viêm phổi sớm cũng có thể mắc phải trong lúc sinh do hít nước ối nhiễm khuẩn hoặc do nhiễm vi khuẩn thường trú ở đường sinh dục bà mẹ.
* Các nguyên nhân nhiễm khuẩn của viêm phổi sớm bao gồm: Streptococcus nhóm B, Klebsiella, Enterobacter, Streptococci nhóm A, Staphylococcus, Listeria monocytogenes.
* Các nguyên nhân siêu vi của viêm phổi sớm bao gồm: Herpes simplex, Adenovirus, Enterovirus, quai bị, Rubella, Nhiễm TORCH khác bao gồm nhiễm CMV, giang mai và nhiễm toxoplasma. Ngoài ra còn do nấm như Candida.

1. **Viêm phổi muộn**

* Xuất hiện sau 3 ngày tuổi. Viêm phổi sơ sinh muộn thường là nhiễm trùng bệnh viện và xảy ra thường nhất ở những trẻ sơ sinh được thông khí, mặc dù nhiễm khuẩn từ đường máu cũng có thể xảy ra.
* Viêm phổi khởi phát muộn thường gây ra bởi các vi sinh vật thường trú ở trẻ mới sinh trong lúc ở bệnh viện bao gồm: Staphylococcus coagulase – negative và Staphylococcus aureus, Streptococcus pyogenes, phế cầu, E.coli, Klebsiella, Serratia, Enterobacterdoacae, Pseudomonas, Bacillus cereus, Citrobacter và Clamydiatrachomatis.
* RSV là tác nhân siêu vi phổ biến nhất gây viêm phổi khởi phát muộn, các nguyên nhân viêu vi khác gồm Adenovirus, Enterovirus, parainfluenza, rhinovirus và các siêu vi gây cúm hoặc do nấm Candida.

1. **LÂM SÀNG**
2. **Mẹ:**

* Thời gian chuyển dạ, thời gian vỡ ối
* Sốt lúc sinh.
* Viêm nhiễm đường sinh dục
* Bệnh lý trong thời gian mang thai.

1. **Con:**

* Sinh ngạt, sinh mổ, sinh non
* Da nhuộm phân su.
* Khám lâm sàng
* Dấu hiệu nhiễm trùng: (xem bài nhiễm trùng huyết sơ sinh)
* Dấu hiệu suy hô hấp
* Thở nhanh ≥ 60 lần/phút, cơn ngừng thở > 20 giây
* Co lõm ngực, phập phồng cánh mũi, tím tái.
* Sa02 giảm < 90%
* Khám phổi: rale phổi.

1. **CẬN LÂM SÀNG**

* Công thức máu, Xquang ngực thẳng
* Khí máu động mạch: khi suy hô hấp.

1. **CHẨN ĐOÁN**
2. **Chẩn đoán xác định**

* Thở nhanh/hoặc rút lõm ngực nặng/hoặc rale phổi.
* Hình ảnh Xquang có tổn thương nhu mô phổi.

1. **Chẩn đoán phân biệt**

* Tràn dịch hoặc tràn khí màng phổi
* Thoát vị hoành
* Tịt mũi sau
* Teo thực quản có dò thực quản khí quản.
* Tim bẩm sinh.
* Cơn thở nhanh thoáng qua.

1. **TIÊU CHUẨN NHẬP VIỆN**

Khi trẻ có dấu hiệu sau:

* Sốt
* Suy hô hấp: thở nhanh > 60 lần/ phút; rút lõm ngực nặng, thở rên, tím tái, phập phồng cánh mũi.
* Bú kém hoặc bỏ bú, lừ đừ.

1. **ĐIỀU TRỊ**
2. **Nguyên tắc điều trị**

* Hổ trợ hô hấp.
* Kháng sinh.
* Điều trị hổ trợ và biến chứng.

1. **Điều trị suy hô hấp**

* Thở oxy: chỉ định khi có suy hô hấp + SpO2 < 90%
* Liều lượng: 0,5 – 1 lít/phút qua cannula.
* Thở NCPAP: chỉ định khi thất bại với thở oxy qua cannula.
* Đặt nội khí quản thở máy khi thất bại với thở NCPAP.
* Kháng sinh: thời gian điều trị 10 – 14 ngày
* Bệnh nhân chưa điều trị kháng sinh trước đó
* Ampicillin + Gentamycin hoặc Cefotaxim + Gentamycin.
* Nếu nghi nhiễm trùng huyết: Ampicillin + Cefotaxim + Gentamycin.
* Bệnh nhi đã điều trị các kháng sinh trên không hiệu quả hoặc nghi ngờ nhiễm trùng bệnh viện, sẽ thay đổi kháng sinh tùy theo trường hợp (xem phác đồ nhiễm trùng bệnh viện)

1. **Điều trị hổ trợ**

* Thông đường thở: hút đàm nhớt, xoay trở.
* Giữ ấm
* Cung cấp đầy đủ dinh dưỡng, nước, điện giải.
* Điều chỉnh cân bằng kiềm toan.
* Tập vật lý trị liệu.

1. **Điều trị biến chứng**

* Tràn khi màng phổi: trẻ đột ngột khó thở do tím tái không đáp ứng với oxy.
* Chụp xquang phổi: chẩn đoán xác định
* Xử trí: chọc dò màng phổi giải áp hoặc dẫn lưu màng phổi.
* Xẹp phổi: tập vật lý trị liệu và/hoăc thở NCPAP.

1. **TÀI LIỆU THAM KHẢO**
2. *Phác đồ điều trị nhi khoa*, Bệnh viện Nhi Đồng 1 (2020)
3. *Hướng dẫn điều trị nhi khoa,* Bệnh viện Nhi Đồng 2 (2019)
4. *Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp ở trẻ em,* Bộ Y tế (2015)
5. *Thực hành lâm sàng Nhi khoa,* Bộ môn Nhi – Đại học Y dược TP.HCM (2020)